

TỔ CHỨC DẠY HỌC VĂN HỌC THIẾU NHI VIỆT NAM CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC

Hoàng Thị Hồng Phương - Trường Đại học An Giang, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày nhận bài: 25/9/2019; ngày chỉnh sửa: 20/10/2019; ngày duyệt đăng: 02/11/2019.

Abstract: Vietnamese Children's Literature is an essential theme in the Literature module of students of Primary Education. This theme provides students with important knowledge about the process of formation, development and basic characteristics of the Vietnamese Children Literature; it helps students get used to typical authors and works. The reality of teaching Vietnamese Children's Literature to Primary Education students has remarkable advantages but still has many shortcomings and limitations. From the current situation, we point out some orientations for applying teaching methods to organize teaching of children's literature to improve teaching quality to meet the requirements of educational innovation.

Keywords: Teaching method, Children's Literature, education, primary school, student.

1. Mở đầu

Văn học thiếu nhi (VHTN) là một bộ phận của văn học Việt Nam. Trước Cách mạng tháng Tám, các nhà văn nước ta thường dịch tác phẩm của các nhà văn Pháp như *Thơ ngụ ngôn La Fontaine* và *truyện cổ Pero*,... hoặc xuất bản sách viết bằng tiếng Pháp như loại sách *Livre du petit* cho thiếu nhi Việt Nam đọc. Đến những năm 1941, 1942 mới bắt đầu xuất hiện một số tác phẩm viết dành cho thiếu nhi: *Dế Mèn phiêu lưu kí* (Tô Hoài); *Con mèo mắt ngọc*, *Bài học quét nhà* (Nam Cao); truyện thơ *Nàng Bạch Tuyết và bảy chú lùn* (Tú Mỡ)... Sau Cách mạng Tháng Tám, VHTN mới phát triển toàn diện, trở thành một nền VHTN thật sự vì thiếu nhi và cho thiếu nhi với đội ngũ sáng tác hùng hậu: *Tô Hoài, Võ Quảng, Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Tuân, Nguyễn Hồng, Phạm Hồ, Đoàn Giỏi, Huy Cận, Trần Đăng Khoa, Hải Hồ, Lâm Thị Mỹ Dạ*,... Đặc biệt, từ sau 1975, VHTN Việt Nam đã không ngừng phát triển.

Trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học (GDTH), VHTN Việt Nam là một chương quan trọng trong học phần *Văn học 1*. Thực tế dạy học VHTN cho sinh viên (SV) ngành GDTH gặp khá nhiều thuận lợi nhưng cũng không ít những tồn tại, hạn chế. Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng đó, chúng tôi nêu ra một số định hướng vận dụng các phương pháp dạy học (PPDH) để tổ chức dạy học VHTN nhằm nâng cao chất lượng dạy học đáp ứng nhu cầu đổi mới giáo dục của Đảng và Nhà nước đề ra.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Vị trí của văn học thiếu nhi Việt Nam đối với sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học

VHTN được xem là một chương quan trọng trong học phần Văn học - học phần góp phần cung cấp những kiến thức cơ bản về văn học và bồi dưỡng các năng lực

sự phạm cho SV ngành GDTH. Chương trình VHTN được phân bố như sau:

Bảng hệ thống nội dung chương VHTN Việt Nam trong học phần Văn học

Nội dung	Phân bố chương trình
VHTN Việt Nam	
1.1. Khái quát về VHTN Việt Nam	(2 tiết)
1.1.1. Khái niệm và đặc trưng của VHTN Việt Nam	
1.1.2. Những chặng đường phát triển của VHTN Việt Nam	
1.1.3. Vai trò của VHTN đối với học sinh tiểu học	
1.1.4. Một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu trong chương trình tiểu học	
1.2. Giới thiệu các tác giả và tác phẩm tiêu biểu	
1.2.1. Thơ Hồ Chí Minh	1 tiết
1.2.2. Thơ Trần Đăng Khoa	2 tiết
1.2.3. Thơ và truyện của Phạm Hồ	1 tiết
1.2.4. Truyện lịch sử “ Lá cờ thêu sáu chữ vàng” của Nguyễn Huy Tưởng	1 tiết
1.2.5. Truyện đồng thoại “Dế Mèn phiêu lưu kí” của Tô Hoài	2 tiết
1.2.6. Thực hành phân tích một số tác phẩm VHTN	3 tiết

Ở chương này, SV được cung cấp về lịch sử phát triển của VHTN Việt Nam, đặc điểm nội dung, nghệ thuật của các tác phẩm thơ, truyện trong sáng tác của Tô Hoài,

Phạm Hồ, Võ Quảng, Nguyễn Huy Tường, Đoàn Giới, Trần Đăng Khoa,... Các tác phẩm VHTN là những văn bản nghệ thuật, phản ánh đời sống, tâm tư, tình cảm của các em nhỏ qua hệ thống ngôn ngữ ngắn gọn, trong sáng, đầy màu sắc, nhịp điệu. Dạy học VHTN, giảng viên (GV) cần phải kiên nhẫn, tìm tòi, suy ngẫm, cảm thụ cái đẹp, cái hồn nhiên, trong sáng trong tác phẩm. Từ đó có những biện pháp, phương pháp (PP) phù hợp để làm sao SV cũng cảm thụ hết cái đẹp, cái hồn nhiên, để cái đẹp thấm dần vào cuộc đời của SV, phát triển tâm hồn, nhân cách, tình cảm cho SV. Không chỉ cung cấp về kiến thức, GV cần phải chú ý góp phần hình thành và phát triển các năng lực học tập có tính chất nghiên cứu cho SV, định hướng rèn luyện nghiệp vụ, năng lực sư phạm như: trang bị kiến thức về VHTN dành cho học sinh tiểu học, những hiểu biết về đặc điểm tiếp nhận văn học ở trẻ; bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất sư phạm để SV trở thành giáo viên dạy tiểu học trong tương lai thông qua các hoạt động luyện tập các kỹ năng dạy học.

2.2. Thực trạng dạy và học văn học thiếu nhi Việt Nam cho ngành Giáo dục Tiểu học ở Trường Đại học An Giang

Trong quá trình giảng dạy VHTN Việt Nam cho SV ngành GDTH và qua dự giờ, trao đổi với đồng nghiệp, chúng tôi nhận thấy, việc dạy và học VHTN đã có những ưu điểm, đồng thời vẫn còn tồn tại cần khắc phục. Đội ngũ GV đã nhận thức đúng định hướng đổi mới PPDH. Đa số GV đã biết vận dụng PPDH tích cực vào quá trình dạy học. Tuy nhiên, việc vận dụng PPDH vẫn mờ nhạt, còn nhiều hạn chế:

- Khi giảng dạy VHTN, GV chú ý đến việc truyền tải thật nhiều những thông tin, kiến thức về VHTN, các nhà thơ, nhà văn tiêu biểu viết cho thiếu nhi, tuy nhiên, chưa chú ý cũng như chưa hướng SV vào tìm hiểu tầm quan trọng của những kiến thức đó trong chương trình giảng dạy sau này.

- Đa số các tiết dạy, GV biết kết hợp các PPDH như thảo luận, phát vấn, diễn giảng,... Tuy nhiên, PPDH vẫn nặng về truyền thụ một chiều, vai trò tổ chức, định hướng của GV chưa thể hiện rõ rệt. GV giảng giải, thông báo kiến thức theo trình tự nêu trong giáo trình, nhấn mạnh cho SV ghi nhớ những nội dung quan trọng của bài học.

- Sau các tiết học, GV có yêu cầu SV về nhà đọc giáo trình, tài liệu tham khảo trước khi đến lớp. Nhưng GV ít khi cung cấp cho SV tài liệu tham khảo, không giao những bài tập cụ thể cho SV. Vì vậy, đa số các SV im lặng hoặc trả lời “*chưa tìm hiểu*” khi GV đặt câu hỏi.

- SV chưa thích nghi tốt với các hoạt động nhóm, chưa thật sự hợp tác trong quá trình học. Đa số các SV giao nhiệm vụ cho các bạn học tốt thực hiện bài tập, giao

việc thuyết trình bài thảo luận của nhóm cho một người cụ thể trong nhóm.

- SV chủ yếu ngồi nghe GV giảng giải, chưa tích cực, tự lực xây dựng kiến thức mới. Rất ít khi thấy các em phát biểu xây dựng bài, càng ít khi thấy các em đặt câu hỏi đối với GV về vấn đề đã học.

- GV đánh giá chưa thường xuyên, thiếu khách quan. Cách tiến hành kiểm tra, đánh giá của GV về VHTN Việt Nam vẫn nghiêng về khả năng nhớ và tái hiện tài liệu, chưa phát huy hết năng lực sáng tạo, tưởng tượng và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Từ thực tiễn giảng dạy VHTN Việt Nam cho SV ngành GDTH, trên cơ sở phân tích ưu điểm và hạn chế, tồn tại về PPDH của GV, chúng tôi rút ra cho mình kinh nghiệm quý báu và đề xuất quy trình giảng dạy VHTN Việt Nam theo hướng vận dụng các PPDH tích cực.

2.3. Một số định hướng vận dụng các phương pháp dạy học để tổ chức dạy học văn học thiếu nhi Việt Nam

2.3.1. Lựa chọn và vận dụng phương pháp dạy học căn cứ vào nội dung kiến thức

Kiến thức về VHTN là kiến thức tổng hợp với các đơn vị bài học khác nhau thuộc những kiểu bài khác nhau như kiểu bài khái quát văn học, kiểu bài tác gia, kiểu bài thực hành phân tích tác phẩm thơ, truyện ngắn,... Với từng kiểu bài cụ thể, GV phải chú ý đến đặc trưng đơn vị kiến thức bài học để có thể xác định đúng mục tiêu, phác thảo đúng trọng tâm bài học và đề ra những PPDH phù hợp để SV chiếm lĩnh kiến thức một cách hiệu quả nhất.

* Với kiểu bài *khái quát*, SV sẽ được tìm hiểu, hệ thống hóa và mở rộng các kiến thức về bối cảnh lịch sử, những đặc điểm cơ bản và những thành tựu nổi bật của các giai đoạn phát triển, các tác phẩm, tác giả tiêu biểu của VHTN Việt Nam. Bên cạnh đó, các em còn được trang bị những kiến thức về những đặc trưng về nội dung và nghệ thuật của các tác phẩm VHTN. Từ những kiến thức trên, SV có thể áp dụng để tiến hành phân tích, đánh giá và giảng dạy đối với một tác phẩm VHTN Việt Nam đúng với những đặc trưng cơ bản của các tác phẩm. Đồng thời, khi dạy kiểu bài này, GV có thể nâng cao khả năng phân tích tổng hợp, khả năng khai thác giáo trình tài liệu để rèn thêm tác phong học tập độc lập của SV. Vì vậy, chúng ta có thể khai thác các ưu điểm của các PP như diễn giảng, vấn đáp, thảo luận nhóm, trực quan. Với từng nội dung cụ thể, GV có thể sử dụng kết hợp các PP như sau:

- Tìm hiểu khái niệm VHTN, GV sử dụng kết hợp PP vấn đáp và PP diễn giảng. VHTN là một thuật ngữ, một khái niệm còn nhiều tranh cãi, SV đọc nhiều tài liệu khác nhau sẽ có những cách hiểu khác nhau về VHTN. Vì vậy, trên cơ sở đặt câu hỏi “*Em hiểu như thế nào là VHTN?*”, GV nắm được kiến thức nền mà các em đã có, từ đó GV

sử dụng PP diễn giảng cung cấp cho các em thông tin đầy đủ, chính xác nhất về khái niệm.

- Tìm hiểu đặc trưng và quá trình phát triển của VHTN, GV sử dụng PP thảo luận nhóm và PP trực quan. Đây là hai nội dung bao trùm một khối lượng kiến thức lớn, vì vậy, GV cần tạo điều kiện cho SV làm việc hợp tác, trao đổi với các thành viên khác để thu nhận và điều chỉnh kiến thức của mình.

- Tìm hiểu chương trình VHTN trong sách giáo khoa Tiếng Việt tiểu học, GV sử dụng PP phát vấn kết hợp PP trực quan và PP diễn giảng. Từ cơ sở những tác phẩm, tác giả mà SV đã biết khi trả lời câu hỏi “*Em thích nhất tác giả, tác phẩm nào trong chương trình VHTN ở tiểu học? Vì sao?*”, GV mở rộng thêm những thông tin về tác giả, tác phẩm đó kết hợp với những hình ảnh trực quan. Như vậy, SV vừa có thể rèn kĩ năng nói trước tập thể, khả năng lập luận, lí giải vừa có thể tiếp nhận và khắc sâu thêm nhiều thông tin, tri thức từ GV.

* Với kiểu bài tác gia, SV sẽ được trang bị, tìm hiểu những kiến thức về cuộc đời, sự nghiệp cũng như quan niệm sáng tác, nội dung sáng tác, đặc sắc nghệ thuật của các tác giả. Trong chương trình VHTN, SV được tìm hiểu về các tác giả như Hồ Chí Minh, Trần Đăng Khoa, Phạm Hồ, Võ Quảng, Nguyễn Huy Tưởng,... Với kiểu bài này, GV có thể sử dụng kết hợp các PP như PP phát vấn, PP diễn giảng, PP nêu và giải quyết vấn đề, PP trực quan, PP thảo luận nhóm. GV nêu ra những yêu cầu, những câu hỏi có vấn đề để SV tìm hiểu, nghiên cứu, thảo luận nhóm và trình bày kết quả trên lớp. Chẳng hạn, khi hướng dẫn SV tìm hiểu về Trần Đăng Khoa, GV có thể đặt ra những vấn đề sau:

- Cuộc đời và sự nghiệp của Trần Đăng Khoa. Những yếu tố nào ảnh hưởng đến tài năng của nhà thơ Trần Đăng Khoa?

- Phân tích các bài thơ của Trần Đăng Khoa có trong chương trình tiểu học. Những tác phẩm đó có ảnh hưởng như thế nào đối với sự hình thành và phát triển nhân cách của học sinh.

- Khi đi tìm sự lí giải “*Cái mầm thơ Khoa lớn lên từ miền đất nào?*”, nhà phê bình Nguyễn Đăng Mạnh khẳng định: “*Làng quê đã tạo nên thơ Khoa từ màu sắc đến linh hồn*”. Hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

- Hình tượng người nông dân trong thơ Trần Đăng Khoa.

- Tìm hiểu giá trị nghệ thuật trong thơ Trần Đăng Khoa.

GV phân lớp thành 5 nhóm, giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm (GV có thể chỉ định, hoặc để các nhóm tự lựa chọn hoặc bốc thăm,...). Sau khi các nhóm thuyết trình, GV có thể dùng PP diễn giảng để tổng kết, nhấn mạnh những nội dung chính của vấn đề. Hoặc dùng PP diễn giảng để mở rộng hơn vấn đề. GV có thể diễn giảng thêm về tập

thơ Góc sân và khoảng trời - một tập thơ nổi tiếng của ông giai đoạn 1954-1975:

“Tập thơ *Góc sân và khoảng trời* được Trần Đăng Khoa sáng tác từ năm 1966-1973 được Nhà xuất bản Văn học ấn hành vào năm 2006 gồm 142 bài, trong đó có 9 bài được viết vào năm 1974.

Góc sân và khoảng trời được sáng tác trong những năm tháng đầu sôi lửa bỏng của cuộc kháng chiến chống Mĩ nên chứa đựng rất nhiều yếu tố của thời đại. Trần Đăng Khoa, với lòng căm thù giặc sâu sắc, đã tố cáo tội ác của giặc nhưng không phải bằng việc kể ra những sự kiện, thống kê những con số như một nhà sử học mà như một nhà thơ với những vần thơ “*mạnh hơn những tiếng bom*”.

Cảm hứng chủ đạo trong tập thơ là tình cảm của Trần Đăng Khoa dành cho quê hương, đất nước, con người Việt Nam. Đó là tình cảm yêu thương, gắn bó, tự hào, lạc quan và tin tưởng vào ngày toàn thắng của cách mạng. Tập thơ còn thể hiện một năng lực quan sát rất nhạy bén của Trần Đăng Khoa đối với những cảnh vật, cuộc sống ở nông thôn. Tuy còn nhỏ tuổi nhưng Trần Đăng Khoa đã biết sử dụng nhiều cách biểu hiện khác nhau trong tập thơ để khắc họa, miêu tả thế giới với những sự vật vô cùng phong phú, đa dạng và sinh động: nghệ thuật tả cảnh, ngôn ngữ chính xác, gợi cảm khiến hình ảnh quen thuộc trở nên độc đáo và giọng thơ vừa hồn nhiên, trong sáng lại vừa triết lí, sâu sắc. Tất cả những gì Trần Đăng Khoa nhắc đến trong thơ không xa lạ, cao siêu mà ngược lại, rất gần gũi, quen thuộc, thân thương. Gần gũi, quen thuộc đến mức chúng ta không để ý, không nghĩ rằng trăng, cây lúa, con trâu, con mèo, cánh cò, những đồ vật trong nhà... lại có thể viết thành thơ với những nét vô cùng độc đáo của nó. Trần Đăng Khoa, với đôi mắt trẻ thơ, với tài năng thiên bẩm cùng với sự học tập, lao động, sáng tạo nghiêm túc đã viết nên những vần thơ thật hay. Trải qua gần nửa thế kỉ mà tập thơ của một em nhỏ Trần Đăng Khoa vẫn được đánh giá là hay, là có ý, có tình. Đây là trường hợp hiếm hoi của nền văn học nước ta từ trước đến nay.

* Với kiểu bài phân tích tác phẩm, SV phân tích giá trị nội dung và nghệ thuật của các tác phẩm như *Đế Mèn phiêu lưu kí* của Tô Hoài, *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* của Nguyễn Huy Tưởng, *Hạt gạo làng ta*, *Nghe thầy đọc thơ*, *Khi mẹ vắng nhà* của Trần Đăng Khoa.... Để dạy những kiểu bài này đạt hiệu quả cao, GV yêu cầu SV làm bài tập theo sở thích cá nhân và trình bày, chia sẻ bài làm của mình trong nhóm. Sau đó lên lớp, GV sử dụng PP phát vấn kết hợp với PP nêu và giải quyết trong suốt quá trình tìm hiểu, phân tích bài.

Chẳng hạn, khi hướng dẫn SV phân tích tác phẩm *Đế Mèn phiêu lưu kí*, chúng tôi yêu cầu SV thực hiện các yêu cầu sau trước khi đến lớp:

- Đọc tác phẩm *Đế mèn phiêu lưu kí* của Tô Hoài.

- Chia nhóm, mỗi nhóm khoảng 5-6 SV. Các nhóm phân công mỗi thành viên thực hiện 1 bài tập, các bài tập chọn không trùng nhau. Sau đó SV chia sẻ bài tập của mình với các thành viên trong nhóm.

Bài tập Hình ảnh: Khi đọc tác phẩm, bạn đã lưu giữ một hình ảnh trong đầu về câu chuyện. Bạn có thể vẽ nó ra và chia sẻ với các bạn trong nhóm. Khi vẽ hình, bạn cần chú thích để ghi nhớ hình ảnh đó đến từ đâu, điều gì làm bạn nghĩ ra nó và tại sao bạn lại muốn vẽ hình ảnh đó.

Bài tập Nghệ thuật và thủ pháp đặc biệt của tác giả: Khi đọc tác phẩm, tác giả sử dụng những từ ngữ hay, khắc họa rõ nét chúng trong đầu người đọc, dùng những ngôn ngữ vui nhộn,... Hãy ghi lại các ví dụ về những điều đặc biệt như thế mà tác giả đã dùng trong tác phẩm.

Bài tập Hồ sơ nhân vật: Nghĩ về một nhân vật mà bạn yêu thích. Vẽ sơ đồ thể hiện hình dáng, hành động, cách cư xử, điểm thú vị của nhân vật đó.

Bài tập Trình tự sự kiện: Đôi khi chuỗi sự kiện trong tác phẩm rất đáng nhớ. Bạn có thể vẽ một sơ đồ chuỗi các hành động.

Bài tập Bản thân và truyện: Khi đọc tác phẩm, một nhân vật hay sự kiện nào đó đã khiến bạn nghĩ về cuộc sống cá nhân mình. Hãy viết và kể lại cho các bạn trong nhóm nghe về việc nhân vật, sự kiện hay ý tưởng nào đó làm cho bạn suy nghĩ về cuộc đời mình.

Bài tập Giải thích: Khi đọc, bạn suy nghĩ xem tác giả muốn nói với bạn điều gì qua câu chuyện. Hãy viết ra cách giải thích của mình, lắng nghe cách giải thích của các bạn khác để so sánh các điểm giống nhau, tương tự và khác nhau.

Bài tập Điểm sách/ Phê bình: Khi đọc, đôi lúc bạn thấy “Hoàn toàn tuyệt vời” nhưng có lúc bạn nghĩ “nếu là tác giả, tôi sẽ viết khác hơn”. Hãy ghi ra những điểm hay của tác phẩm và những nhược điểm cần khắc phục.

Khi đến lớp, đến hoạt động phân tích tác phẩm, chúng tôi nêu câu hỏi: “*Trong tác phẩm, em thích nhất nhân vật nào? Vì sao?*” và yêu cầu SV sử dụng các bài tập làm ở nhà để trả lời, thảo luận, cùng nhau chia sẻ những cảm nhận của bản thân về nhân vật. Trong quá trình tìm hiểu, chia sẻ nhân vật yêu thích của SV, GV đặt ra một số câu hỏi sau:

Dế Mèn:

+ Dế Mèn có ngoại hình ra sao? Ngoại hình đó tác động như thế nào đến tính cách của Dế Mèn?

+ Tính cách của Dế Mèn được thay đổi như thế nào qua các chặng đường đời?

+ Theo em, khi khắc họa hình tượng Dế Mèn, Tô Hoài muốn gửi gắm thông điệp gì đối với người đọc?

+ Qua nhân vật Dế Mèn, em sẽ giáo dục điều gì với các em học sinh tiểu học?

Dế Trũi:

+ Dế Trũi được khắc họa hình dáng, tính cách như thế nào?

+ Em có suy nghĩ gì về câu nói của Dế Trũi: “*Em trộm nghĩ chết thì đã đành là chết. Nhưng không nên chết cả, vô ích, ta phải tìm cách.... Em có đôi cánh....*”. Nếu em là Dế Trũi, em có xử sự như vậy không? Vì sao?

+ Theo em, thế nào là tình bạn cao quý?

+ Qua nhân vật này, em sẽ giáo dục điều gì với các em học sinh tiểu học?

Xiển Tóc:

+ Xiển Tóc có ngoại hình như thế nào?

+ Tính cách của Xiển Tóc thay đổi như thế nào qua 3 lần gặp Dế Mèn?

+ Em có cảm nhận gì về nhân vật Xiển Tóc?

+ Qua nhân vật này, em sẽ giáo dục điều gì với các em học sinh tiểu học?

2.3.2. Vận dụng phương pháp dạy học kết hợp hướng dẫn sinh viên tự học

Theo tác giả Nguyễn Cảnh Toàn (2002), tự học là tự mình động não suy nghĩ, sử dụng năng lực trí tuệ (quan sát, so sánh, phân tích, tổng hợp...) và có khi cả cơ bắp (khi phải sử dụng công cụ) cùng các phẩm chất của mình rồi cả động cơ, tình cảm, cá nhân sinh quan, thế giới quan để chiếm lĩnh một lĩnh vực hiểu biết nào đó của nhân loại, biến lĩnh vực đó thành sở hữu của mình. Như vậy, tự học là quá trình người học tự giác, tích cực trong việc chiếm lĩnh kiến thức, hình thành kỹ năng và kỹ xảo của chính mình. Tự học trong quá trình học tập của SV là việc các em độc lập hoàn thành nhiệm vụ được giao, với sự trợ giúp trực tiếp hoặc gián tiếp của GV. Rèn luyện thói quen và kỹ năng tự học cho SV là tạo cho các em cơ hội chủ động, phát huy tính tích cực, sáng tạo của bản thân và đây cũng chính là mục tiêu cơ bản của việc đổi mới PPDH hiện nay. Dạy học theo hướng tích cực, đòi hỏi GV tổ chức cho SV tự lực hoạt động tìm tòi, khám phá, phát hiện tri thức từ đó hình thành nên năng lực nhận thức, năng lực tự học của SV.

SV tự học dưới hai hình thức: tự học ở lớp và tự học ở nhà.

Đối với hình thức tự học trên lớp, GV cần tổ chức, hướng dẫn SV học tập tích cực, chủ động bằng cách giao nhiệm vụ chung cho cả lớp hoặc từng nhóm SV. Sau khi giao nhiệm vụ xong, GV giới hạn thời gian cần hoàn thành công việc đó. Lúc này GV bao quát lớp, giúp đỡ, định hướng cho SV khi cần thiết. Sau một khoảng thời gian nhất định, SV trình bày kết quả, GV chỉnh sửa và bổ sung kiến thức.

Đối với hình thức tự học ở nhà thì ý thức tự giác, chủ động của các em càng được thể hiện rõ rệt, muốn đạt được hiệu quả trong học tập GV cần phải chuẩn bị một

số câu hỏi và bài tập giao trước cho các em và GV cũng đề ra phương án kiểm tra, đánh giá kết quả tự nghiên cứu của SV. Để hình thành kĩ năng tự học cho SV, GV cần giúp SV biết tự học theo giáo trình bằng hình thức tự đọc giáo trình ở nhà, hệ thống những kiến thức bằng sơ đồ tư duy, GV có thể thiết kế một số câu hỏi, phiếu học tập yêu cầu SV hoàn thành. Bên cạnh đó, GV phải cung cấp nguồn tài liệu tham khảo để các em nghiên cứu, tìm hiểu và hoàn thành yêu cầu của GV.

Trong dạy học VHTN, trước khi tìm hiểu bài *Khái quát VHTN Việt Nam*, chúng tôi cung cấp cho SV nguồn tài liệu tham khảo sau:

1. Lã Thị Bắc Lý. *Giáo trình Văn học trẻ em*. NXB Đại học Sư phạm, 2003.
2. Trần Đức Ngôn - Dương Thu Hương. *Văn học thiếu nhi Việt Nam*. NXB Giáo dục, 1998.
3. Cao Đức Tiến (chủ biên) - Dương Thị Hương. *Văn học* (Tài liệu đào tạo giáo viên tiểu học trình độ cao đẳng và đại học sư phạm). NXB Giáo dục, 2005.
4. Vân Thanh - Nguyễn An. *Bách khoa thư Văn học thiếu nhi Việt Nam*. NXB Từ điển bách khoa, 2003.

Để kiểm tra việc tự học ở nhà của SV, GV có thể thiết kế phiếu học tập sau:

Tên SV:

PHIẾU HỌC TẬP

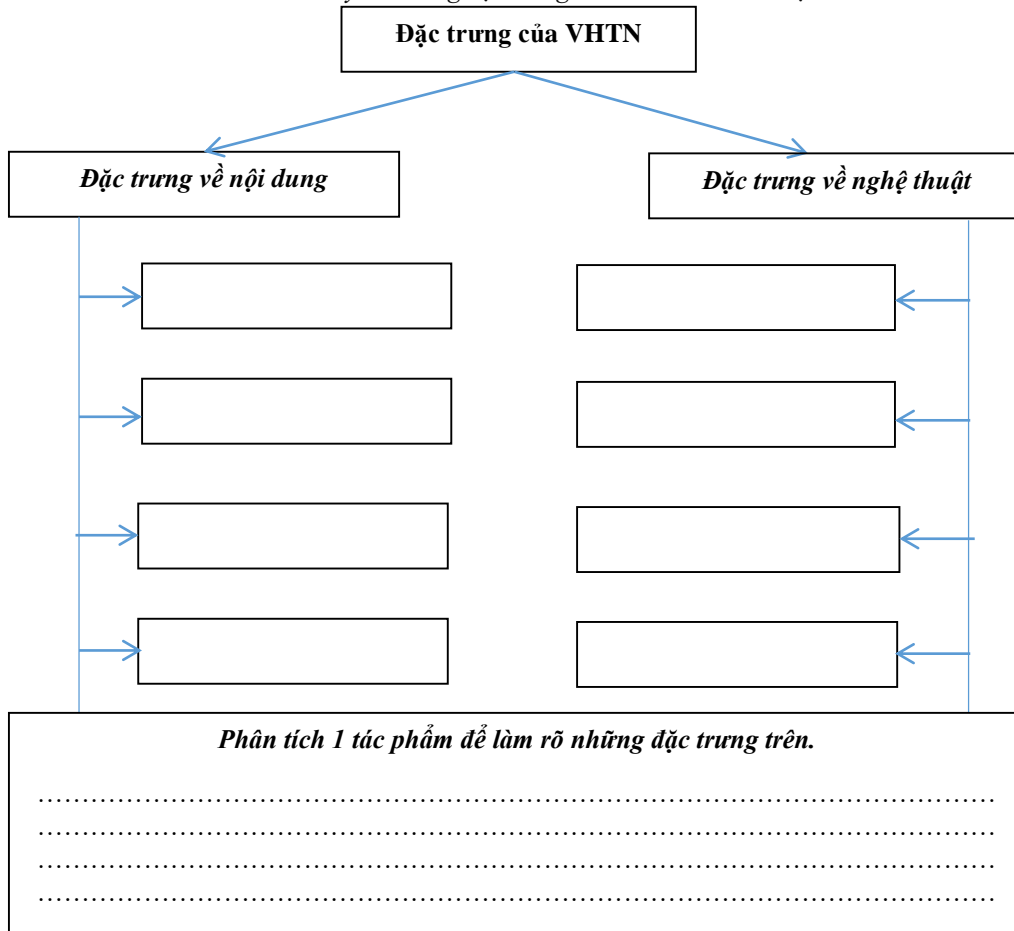
MSSV: Lớp:

BÀI: KHÁI QUÁT VHTN VIỆT NAM

Câu 1: Anh (chị) hiểu như thế nào là VHTN?

.....

Câu 2: Hoàn thành sơ đồ sau để thấy rõ những đặc trưng cơ bản của VHTN Việt Nam



Câu 3: Trong các tác phẩm VHTN Việt Nam, anh (chị) thích nhất tác giả, tác phẩm nào? Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm mình thích.

.....

.....

.....

Câu 4: Điền thông tin vào bảng sau để thấy rõ các giai đoạn hình thành và phát triển của VHTN Việt Nam.

	Giai đoạn 1	Giai đoạn 2	Giai đoạn 3	Giai đoạn 4	Giai đoạn 5
Đặc điểm nổi bật					
Tác giả, tác phẩm tiêu biểu					
Nhận xét chung					

2.3.3. Vận dụng phương pháp dạy học kết hợp khơi gợi kiến thức nền, kích thích hứng thú học tập của sinh viên

Trong một lớp học, trình độ của SV ở nhiều cấp độ khác nhau cũng như sự thích thú trong môn học khác nhau. Vì vậy, muốn đạt được hiệu quả giáo dục, GV cần tìm hiểu kiến thức nền của SV và tìm những biện pháp kích thích hứng thú học tập của SV.

Kiến thức nền của mỗi SV đều khác nhau, nhu cầu học tập của các em cũng khác nhau. Do đó, chúng ta cần thu thập thông tin khi bắt đầu tiết học, nắm bắt SV đã biết gì cũng như muốn tìm hiểu thêm điều gì về nội dung bài học để có những PPDH thích hợp. Trong dạy học VHTN, chúng tôi sử dụng phiếu K-W-L để tìm hiểu kiến thức nền của SV ở mỗi bài học. Nhờ những thông tin trên phiếu K-W-L mà chúng tôi điều chỉnh lại PP và thời gian tìm hiểu nội dung đó.

Phiếu K-W-L

Bạn đã biết gì về	Bạn muốn biết thêm điều gì về	Bạn đã học được điều gì về

Bên cạnh đó, GV còn cần phải dành nhiều thời gian cho việc tìm hiểu làm thế nào để kích thích hứng thú học tập, tạo tâm thế tiếp nhận cho SV bởi mức độ hứng thú của SV với môn học là khác nhau. Tạo niềm thích thú cho SV là điều cơ bản. Để làm được điều đó, GV có thể tổ chức một vài trò chơi liên quan đến bài học, thiết kế

nhiều BT để các em lựa chọn tự nghiên cứu. Chẳng hạn, khi dạy bài *Khái quát VHTN Việt Nam*, GV có thể tổ chức cho SV tham gia trò chơi ghép tranh để kích thích hứng thú học tập của các em và tạo không khí lớp học thoải mái, sinh động. GV chuẩn bị một số tranh ảnh thể hiện nội dung của tác phẩm; mảnh ghép ghi tên tác giả; mảnh ghép ghi tên tác phẩm. GV mời 2 đội tham gia, trong một khoảng thời gian như nhau, đội nào ghép được nhiều thông tin chính xác nhất, đội đó sẽ chiến thắng.

3. Kết luận

Dạy học là một khoa học và cũng là một nghệ thuật. Dạy học đại học lại càng cần có tính khoa học và tính nghệ thuật cao. Dạy học VHTN cho SV ở trường đại học, cao đẳng là một quá trình công phu, nghiêm túc và đòi hỏi GV phải yêu nghề, có tâm huyết và phải có PP tổ chức bài giảng linh hoạt, bám sát mục đích cụ thể và bằng nhiều PP mới có thể trang bị cho SV hệ thống kiến thức ban đầu về VHTN. Để đạt được hiệu quả cao khi dạy học, GV phải nắm vững những kiến thức cơ bản và tìm hiểu chuyên sâu về VHTN Việt Nam, nắm vững những ưu, nhược điểm của các PPDH để vận dụng, kết hợp linh hoạt, khéo léo các PP phù hợp với nội dung dạy học. Bên cạnh đó, GV còn phải chú ý khơi gợi kiến thức nền của người học, thiết kế các công cụ, phương tiện dạy học, tổ chức các hoạt động thảo luận nhóm, thuyết trình để SV làm việc, tương tác, học hỏi lẫn nhau. Sử dụng các PPDH phù hợp trong sự kết hợp đồng bộ giữa các PPDH với nhau sẽ tạo hiệu ứng tích cực, đem lại hiệu quả như mong đợi đối với việc dạy học VHTN Việt Nam ngành GDTH ở các trường đại học, cao đẳng sư phạm.

(Xem tiếp trang 23)

* *Bước 2.* Thực hiện nhiệm vụ: HS suy ngẫm, trả lời câu hỏi dưới sự quan sát, định hướng của GV (các tác phẩm: *Tắt đèn*, bài ca dao *Trong đầm gì đẹp bằng sen, Vợ nhặt*, *Tuyên ngôn độc lập*, *Chí Phèo*, *Nhật kí trong tù*, *Lão Hạc*...).

* *Bước 3.* Báo cáo kết quả: HS chia sẻ cảm xúc của mình về một hoặc nhiều tác phẩm. GV tiếp nối mạch xúc cảm đó, dẫn dắt, gợi mở giúp các em dần nhận ra giá trị nào đó của văn học. Các HS khác góp ý, bổ sung hoặc nêu ý kiến phản biện.

* *Bước 4.* Đánh giá, chốt kiến thức: GV đánh giá, nhận xét, khích lệ, động viên sự nỗ lực của HS và chốt kiến thức, bắt nhịp vào bài học mới.

3. Kết luận

Lao động chân chính làm tỏa sáng những công hiến chân chính! Vậy nên, các ý tưởng sáng tạo thường có xuất phát điểm từ lao động tích cực, say mê và tràn đầy khát khao khám phá. Sự hời hợt, biếng nhác trong lao động rất khó để nảy sinh ý tưởng sáng tạo mới. Đặc thù của việc dạy học môn Ngữ văn càng đòi hỏi người trong nghề phải lao động miệt mài. Sáng tạo được những lối đi riêng lạ, hấp dẫn. Ý tưởng thiết kế hoạt động khởi động trước hết có thể được “nảy sinh từ sự khám phá sâu sắc, có dấu ấn riêng của người dạy về nội dung học tập” [1; tr 179]. Tiếp đến, là sự gặp gỡ, giao thoa giữa nội dung bài học và trải nghiệm đời sống của HS. Bên cạnh đó, tình yêu nghề, lòng đam mê, khát vọng thay đổi thực tại và mơ ước chiếm lĩnh cái độc đáo; những liên tưởng về các trò chơi, các chương trình giải trí trên truyền hình, các hoạt động ngoại khóa; cách tổ chức dẫn dắt chương trình; những câu chuyện thú vị, khôi hài; tốc độ phát triển của cuộc Cách mạng khoa học 4.0... đều có thể là những gợi ý hấp dẫn để GV Ngữ văn nảy sinh ý tưởng, thiết kế hoạt động khởi động phong phú, mới mẻ.

Tài liệu tham khảo

- [1] Phạm Thị Thu Hương (chủ biên, 2017). *Giáo trình thực hành dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông*. NXB Đại học Sư phạm.
- [2] Bộ GD-ĐT (2014). *Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08/10/2014 hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; tổ chức và quản lí các hoạt động chuyên môn của trường trung học/trung tâm giáo dục thường xuyên qua mạng*.
- [3] Bộ GD-ĐT (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn* (ban hành kèm theo Thông tư

số 32/2018/TT- BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).

- [4] Đỗ Ngọc Thống (chủ biên) và cộng sự (2018). *Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn trung học phổ thông*. NXB Đại học Sư phạm.
- [5] Nell K. Duke - Bennett-Armistead, V.S (2003). *Reading & Writing Informational text in the Primary Grades*, Scholarstic Inc.
- [6] Nguyễn Trọng Hoàn (2016). *Hoạt động học tập môn Ngữ văn trong dạy học định hướng năng lực*. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- [7] Beth Maloch - Randy Bomer (2013). *Informational Texts and the Common Core Standards*. National Council of Teachers of English.

TỔ CHỨC DẠY HỌC VĂN HỌC THIẾU NHI...

(Tiếp theo trang 29)

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Lăng Bình (chủ biên, 2010). *Dạy và học tích cực - một số phương pháp và kĩ thuật dạy học*. NXB Đại học Sư phạm.
- [2] Nguyễn Minh Chính - Nguyễn Thị Hồng Nam - Trần Đình Thích - Hà Hồng Vân (2002). *Lí luận dạy học Ngữ văn*. Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ.
- [3] Đặng Xuân Hải (2011). *Kĩ thuật dạy học trong đào tạo theo học chế tín chỉ*. NXB Bách khoa Hà Nội.
- [4] Phan Trọng Luận (chủ biên, 2004). *Phương pháp dạy học văn*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5] Lê Thị Bắc Lý (2003). *Giáo trình Văn học trẻ em*. NXB Đại học Sư phạm.
- [6] Trần Đức Ngôn - Dương Thu Hương (1998). *Văn học thiếu nhi Việt Nam*. NXB Giáo dục.
- [7] Cao Đức Tiến (chủ biên) - Dương Thị Hương (2005). *Văn học (tài liệu đào tạo giáo viên tiểu học trình độ cao đẳng và đại học sư phạm)*. NXB Giáo dục.
- [8] Văn Thanh - Nguyễn An (2003). *Bách khoa thư Văn học thiếu nhi Việt Nam*. NXB Từ điển bách khoa.
- [9] Nguyễn Cảnh Toàn (2002). *Tự giáo dục, tự học, tự nghiên cứu, tập 1*. Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội.